



Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho
kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018



Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Thông tin về Công ty

Quyết định thành lập số 045/QĐ-TCTD Ngày 29 tháng 6 năm 2010

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước, Công ty Dược phẩm cấp I thuộc Tổng Liên hiệp các xí nghiệp Dược Việt Nam nay thuộc Tổng Công ty Dược Việt Nam. Ngày 29 tháng 6 năm 2010, Công ty chính thức chuyển thành Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 1 theo Quyết định số 045/QĐ-TCTD của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Dược Việt Nam. Ngày 4 tháng 1 năm 2016, Công ty chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 theo Quyết định số 2290/QĐ-BYT ký ngày 12 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

Giấy chứng nhận Đăng ký
Doanh nghiệp số 0100108536 Ngày 4 tháng 1 năm 2016

Thực hiện theo Quyết định số 2290/QĐ-BYT ngày 12/06/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt phương án cổ phần hóa, Công ty đã chuyển sang mô hình cổ phần hóa và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0100108536 ngày 4 tháng 1 năm 2016.

Hội đồng Quản trị	Ông Phạm Đức Thọ	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Doãn Liêm	Thành viên
	Ông Lê Nam Thắng	Thành viên
	Bà Nguyễn Hồng Nhung	Thành viên
	Ông Công Việt Hải	Thành viên (<i>từ ngày 23/4/2018</i>)
	Ông Nguyễn Trí Lý	Thành viên (<i>đến ngày 22/4/2018</i>)

Ban Tổng Giám đốc	Ông Nguyễn Doãn Liêm	Tổng Giám đốc
	Ông Phạm Đức Thọ	Phó Tổng Giám đốc (<i>từ ngày 1/8/2018</i>)
	Ông Nguyễn Trí Lý	Phó Tổng Giám đốc (<i>đến ngày 31/5/2018</i>)

Ban Kiểm soát	Bà Lương Thị Kim Thanh	Trưởng ban
	Bà Nguyễn Hồng Thúy	Thành viên
	Bà Bùi Thị Thanh Hải	Thành viên

Đại diện theo pháp luật	Ông Nguyễn Doãn Liêm	Tổng Giám đốc
--------------------------------	----------------------	---------------

Trụ sở đăng ký Số 87 Phố Nguyễn Văn Trỗi, Phường Phương Liệt
Quận Thanh Xuân, Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 37 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.



Hà Nội, ngày 20 tháng 8 năm 2018



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 20 tháng 8 năm 2018, được trình bày từ trang 5 đến trang 37.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 18-02-172-SX



Trần Anh Quân

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0306-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 8 năm 2018

Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0861-2018-007-1

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND Đã phân loại lại
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		1.850.906.699.317	1.666.678.838.445
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	8	31.991.352.093	64.522.280.792
Tiền	111		31.991.352.093	64.522.280.792
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		666.138.330.999	705.268.042.971
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	9	631.892.950.175	656.939.591.087
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		10.661.376.759	11.793.842.086
Phải thu ngắn hạn khác	136	10	25.263.041.060	38.010.675.237
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(1.679.036.995)	(1.476.065.439)
Hàng tồn kho	140	12	1.119.467.207.179	873.152.338.275
Hàng tồn kho	141		1.119.467.207.179	873.152.338.275
Tài sản ngắn hạn khác	150		33.309.809.046	23.736.176.407
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		48.000.000	-
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		33.238.101.926	23.707.347.951
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	19(a)	23.707.120	28.828.456
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	200		146.630.023.352	157.871.481.546
Tài sản cố định	220		82.786.410.915	89.905.665.623
Tài sản cố định hữu hình	221	13	54.921.178.115	61.133.053.743
Nguyên giá	222		163.391.794.297	163.391.794.297
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(108.470.616.182)	(102.258.740.554)
Tài sản cố định vô hình	227	14	27.865.232.800	28.772.611.880
Nguyên giá	228		30.571.666.000	31.479.045.080
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.706.433.200)	(2.706.433.200)
Tài sản dở dang dài hạn	240		799.090.994	637.272.812
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	799.090.994	637.272.812
Đầu tư tài chính dài hạn	250		24.771.312.461	24.771.312.461
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	16	24.771.312.461	24.771.312.461
Tài sản dài hạn khác	260		38.273.208.982	42.557.230.650
Chi phí trả trước dài hạn	261	17	38.273.208.982	42.557.230.650
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.997.536.722.669	1.824.550.319.991

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND Đã phân loại lại
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.762.518.819.365	1.602.288.358.624
Nợ ngắn hạn	310		1.760.973.600.759	1.600.743.140.018
Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	774.295.351.964	578.555.119.977
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		33.426.579.622	34.972.298.672
Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	313	19(b)	840.038.713	923.037.442
Phải trả người lao động	314		12.181.067.675	14.043.637.466
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		659.178.379	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		1.298.045.812	1.298.045.812
Phải trả ngắn hạn khác	319	20	19.558.208.515	76.916.210.919
Vay ngắn hạn	320	21	917.742.597.190	889.083.970.171
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	22	972.532.889	4.950.819.559
Nợ dài hạn	330		1.545.218.606	1.545.218.606
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		1.545.218.606	1.545.218.606
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		235.017.903.304	222.261.961.367
Vốn chủ sở hữu	410	23	235.017.903.304	222.261.961.367
Vốn cổ phần	411	24	209.790.000.000	209.790.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		209.790.000.000	209.790.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	26	2.444.991.780	2.444.991.780
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		22.782.911.524	10.026.969.587
- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		4.918.120.697	2.444.991.781
- <i>LNST chưa phân phối kỳ này/ năm trước</i>	421b		17.864.790.827	7.581.977.806
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.997.536.722.669	1.824.550.319.991

Ngày 20 tháng 8 năm 2018

Người lập:



Ninh Thị Thu Hiền
 Phó Phòng tài chính kế toán

Người duyệt:



Đặng Thị Du
 Kế toán trưởng

Nguyễn Doãn Liêm
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Mẫu B 02a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2018 VND	30/6/2017 VND Đã phân loại lại
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	28	1.216.151.281.845	1.034.329.298.600
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	28	12.588.572	2.562.112.771
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	28	1.216.138.693.273	1.031.767.185.829
Giá vốn hàng bán	11		1.085.579.358.405	911.876.282.535
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		130.559.334.868	119.890.903.294
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	7.167.995.399	5.280.676.504
Chi phí tài chính	22	30	30.248.911.410	26.571.974.685
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		24.808.406.176	14.528.737.977
Chi phí bán hàng	25	31	73.308.628.056	67.733.422.581
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	16.281.149.240	10.897.039.460
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		17.888.641.561	19.969.143.072
Thu nhập khác	31	33	4.190.564.472	1.262.202.890
Chi phí khác	32		3.612.000	120.218.566
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		4.186.952.472	1.141.984.324
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		22.075.594.033	21.111.127.396
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	35	4.210.803.206	4.222.225.479
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		17.864.790.827	16.888.901.917
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	36	698	654

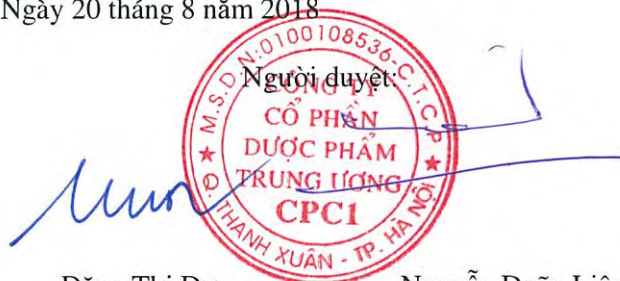
Ngày 20 tháng 8 năm 2018

Người lập:



Ninh Thị Thu Hiền
Phó Phòng tài chính kế toán

Người duyệt:



Đặng Thị Dư
Kế toán trưởng

Nguyễn Doãn Liêm
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		22.075.594.033	21.111.127.396
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		6.723.568.079	6.128.824.139
Các khoản dự phòng	03		202.971.556	(3.401.682.559)
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(325.286.382)	6.556.263.258
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(3.016.076.395)	(1.114.897.704)
Chi phí lãi vay	06		24.808.406.176	14.528.737.977
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		50.469.177.067	43.808.372.507
Biến động các khoản phải thu	09		29.401.107.777	(25.019.459.185)
Biến động hàng tồn kho	10		(246.314.868.904)	(217.762.649.476)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		155.408.088.624	105.744.952.806
Biến động chi phí trả trước	12		3.724.329.217	4.115.802.566
			(7.312.166.219)	(89.112.980.782)
Tiền lãi vay đã trả	14		(25.068.404.582)	(14.080.937.242)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.784.112.894)	(4.700.000.000)
Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh	16		1.062.353.584	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(5.953.689.144)	(1.919.410.434)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(41.056.019.255)	(109.813.328.458)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21		(161.818.182)	(28.833.126.911)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		2.827.943.552	2.701.100.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức được chia	27		1.095.511.923	75.918.346
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		3.761.637.293	(26.056.108.565)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		1.322.727.920.287	1.139.629.444.988
Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.294.310.219.109)	(957.353.884.407)
Tiền trả cổ tức	36		(23.665.912.800)	(16.655.835.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		4.751.788.378	165.619.725.381
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(32.542.593.584)	29.750.288.358
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	8	64.522.280.792	55.595.634.518
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		11.664.885	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	8	31.991.352.093	85.345.922.876

Ngày 20 tháng 8 năm 2018

Người lập:



Ninh Thị Thu Hiền
 Phó Phòng tài chính kế toán

Người duyệt:



Đặng Thị Dư
 Kế toán trưởng



Nguyễn Doãn Liêm
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 (“Công ty”) tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước, Công ty Dược phẩm cấp I thuộc Tổng Liên hiệp các xí nghiệp Dược Việt Nam nay thuộc Tổng Công ty Dược Việt Nam. Ngày 29 tháng 6 năm 2010, Công ty chính thức chuyển thành Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 1 theo Quyết định số 045/QĐ-TCTD của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Dược Việt Nam. Thực hiện theo Quyết định số 2290/QĐ-BYT ngày 12 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt phương án cổ phần hóa, Công ty đã chuyển đổi sang mô hình cổ phần hóa thành Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương CPC1 và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100108536 ngày 4 tháng 1 năm 2016.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động kinh doanh chính của Công ty là bán buôn và bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 bao gồm Văn phòng Công ty, 2 cơ sở bán buôn và 6 chi nhánh hạch toán phụ thuộc của Công ty:

Tên	Thông tin chính
▪ Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 – Cơ sở bán buôn số 1	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận Đăng ký địa điểm kinh doanh số 00005 ngày 27 tháng 1 năm 2016 với tư cách là một địa điểm kinh doanh của Công ty.
▪ Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 – Cơ sở bán buôn số 5	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận Đăng ký địa điểm kinh doanh số 00003 ngày 27 tháng 1 năm 2016 với tư cách là một địa điểm kinh doanh của Công ty.
▪ Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100108536-008 ngày 28 tháng 11 năm 1998 với tư cách là một chi nhánh của Công ty.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tên	Thông tin chính
▪ Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 – Chi nhánh Bắc Giang	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bắc Giang theo Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100108536-012 ngày 28 tháng 06 năm 2002 với tư cách là một chi nhánh của Công ty.
▪ Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 – Chi nhánh Quảng Ninh	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh theo Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100108536-013 ngày 25 tháng 8 năm 2010 với tư cách là một chi nhánh của Công ty.
▪ Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 – Chi nhánh Đà Nẵng	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100108536-014 ngày 24 tháng 8 năm 2010 với tư cách là một chi nhánh của Công ty.
▪ Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 – Chi nhánh Gia Lai	Đăng ký tại Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Gia Lai theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100108536-015 ngày 8 tháng 2 năm 2010 với tư cách là một chi nhánh của Công ty.
▪ Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 – Chi nhánh Nghệ An	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nghệ An theo Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100108536-016 ngày 5 tháng 4 năm 2010 với tư cách là một chi nhánh của Công ty.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty có 346 nhân viên (1/1/2018: 365 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND, được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

(c) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến và các điều chỉnh do xác định lại giá trị tài sản khi cổ phần hóa Công ty được Nhà nước phê duyệt. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	20 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 6 năm
▪ phương tiện vận tải	5 – 8 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 7 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất và quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp. Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Công ty không thực hiện phân bổ đối với quyền sử dụng đất lâu dài.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 6 năm.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng chưa được hoàn thành. Khấu hao không được trích cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh được xác định khi đánh giá lại giá trị tài sản và nợ phải trả của Công ty thông qua quá trình cổ phần hóa và được phân bổ trong 3 năm kể từ khi công ty cổ phần chính thức đi vào hoạt động.

(ii) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước được thanh toán một lần và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 33 đến 45 năm.

(iii) Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định bao gồm các chi phí phát sinh một lần có giá trị lớn mà Công ty không thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính giữa niên độ và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(m) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(n) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(o) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh.

(p) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng. Do vậy, việc trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu suy giảm không áp dụng.

(q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động chủ yếu trong một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là bán buôn và bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh và tại một vùng địa lý duy nhất là Việt Nam.

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ này. Các cá nhân liên quan cũng bao gồm thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát.

4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty không bị ảnh hưởng bởi các yếu tố thời vụ hoặc chu kỳ ngoại trừ việc trích thưởng hoàn thành chỉ tiêu kinh doanh thường được Công ty trích lập vào thời điểm cuối kỳ kế toán năm khi Công ty cơ bản xác định được kết quả kinh doanh cho kỳ kế toán năm.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính hàng năm và báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán kể từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất.

6. Các khoản mục bất thường

Công ty không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

7. Các thay đổi trong cơ cấu của đơn vị

Không có thay đổi trong cơ cấu của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Tiền mặt	2.003.864.106	5.328.156.390
Tiền gửi ngân hàng	29.987.487.987	59.194.124.402
	<hr/>	<hr/>
	31.991.352.093	64.522.280.792

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
Công ty liên quan		
Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	9.073.816.250	13.725.880.842
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	2.341.162.576	1.062.234.295
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 2	-	226.800.000
Bên thứ ba		
Bệnh viện Bạch Mai	48.785.495.793	33.118.302.301
Bệnh Viện Chợ Rẫy	29.847.698.964	24.990.012.939
Bệnh viện K	20.173.284.751	8.210.271.130
Công ty TNHH Dược phẩm Vạn Cường Phát	17.444.732.028	16.582.163.984
Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức	11.445.819.830	11.279.386.828
Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Vũ Châu	10.185.468.741	15.227.065.560
Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp Hải Phòng	9.178.227.880	13.345.250.624
Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Thăng Long	9.137.259.333	-
Công ty TNHH Phát triển Thương mại Tâm Việt Phát	8.554.363.720	3.420.971.786
Bệnh Viện Đa khoa Tỉnh Kon Tum	3.638.223.193	14.178.040.469
Bệnh viện Phụ sản Trung ương	3.146.811.105	10.492.308.080
Bệnh viện Tim Hà Nội	3.025.903.765	16.761.777.347
Công ty TNHH Intercontinental Pharma Việt Nam	18.792.085	20.953.102.980
Các khách hàng khác	445.895.890.161	453.366.021.922
	631.892.950.175	656.939.591.087

Khoản phải thu thương mại từ công ty liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn thu hồi là 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

10. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND Đã phân loại lại
Phải thu hàng nhập khẩu ủy thác	21.164.262.118	33.007.325.575
Thuế nhập khẩu ủy thác chi hộ	2.443.886.462	3.766.011.464
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	623.088.999	646.078.999
Phải thu ngắn hạn khác	1.031.803.481	591.259.199
	25.263.041.060	38.010.675.237

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Nợ xấu và nợ khó đòi

	Số ngày quá hạn	30/6/2018			Số ngày quá hạn	1/1/2018		
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc Tế Đại Đức Hưng	Trên 6 tháng đến 1 năm	1.496.034.941	(448.810.482)	1.047.224.459	-	-	-	
Công ty TNHH Phòng khám Đa khoa Phước Linh	Trên 6 tháng đến 1 năm	811.309.628	(243.392.888)	567.916.740	-	-	-	
Công ty Cổ Phần Y tế Tâm Phúc	Từ 2 năm đến 3 năm	150.000.000	(134.749.917)	15.250.083	Từ 2 năm đến 3 năm	150.000.000	(134.749.917)	15.250.083
Trung tâm y tế Quận Dương Kinh	Trên 6 tháng đến 2 năm	111.120.021	(39.600.011)	71.520.010	Từ 6 tháng đến 2 năm	122.107.585	(40.630.363)	81.477.222
Khác	Từ 6 tháng đến 3 năm	2.353.948.177	(812.483.697)	1.541.464.480	Từ 6 tháng đến 3 năm	3.453.132.161	(1.300.685.159)	2.152.447.002
		<u>4.922.412.767</u>	<u>(1.679.036.995)</u>	<u>3.243.375.772</u>		<u>3.725.239.746</u>	<u>(1.476.065.439)</u>	<u>2.249.174.307</u>
<i>Trong đó:</i>								
Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn			<u>(1.679.036.995)</u>			<u>(1.476.065.439)</u>		

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Hàng tồn kho

	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	74.131.424.676	15.370.903.002
Hàng hóa	1.045.335.782.503	857.781.435.273
	<hr/>	<hr/>
	1.119.467.207.179	873.152.338.275

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 247.127 triệu VND (1/1/2018: 297.216 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 21).

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN**
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**13. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	121.308.492.551	23.690.508.423	16.219.214.078	2.173.579.245	163.391.794.297
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	69.337.112.186	18.018.373.521	13.654.232.724	1.249.022.123	102.258.740.554
Khấu hao trong kỳ	4.907.590.911	844.043.775	351.723.106	108.517.836	6.211.875.628
Số dư cuối kỳ	74.244.703.097	18.862.417.296	14.005.955.830	1.357.539.959	108.470.616.182
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	51.971.380.365	5.672.134.902	2.564.981.354	924.557.122	61.133.053.743
Số dư cuối kỳ	47.063.789.454	4.828.091.127	2.213.258.248	816.039.286	54.921.178.115

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 có các tài sản có nguyên giá 39.685 triệu VND (1/1/2018: 37.925 triệu VND), đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, các tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 2.810 triệu VND (1/1/2018: 5.880 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 21).

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	28.777.831.880	2.701.213.200	31.479.045.080
Thanh lý	(907.379.080)	-	(907.379.080)
Số dư cuối kỳ	27.870.452.800	2.701.213.200	30.571.666.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	5.220.000	2.701.213.200	2.706.433.200
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	28.772.611.880	-	28.772.611.880
Số dư cuối kỳ	27.865.232.800	-	27.865.232.800

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 2.701 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 (1/1/2018: 2.701 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

15. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
Số dư đầu kỳ	637.272.812	16.975.963.247
Tăng trong kỳ	161.818.182	16.322.150.972
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(944.618.182)
Số dư cuối kỳ	799.090.994	32.353.496.037

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
Tòa nhà văn phòng Công ty	637.272.812	637.272.812
Kho Tân Tạo – Chi nhánh Hồ Chí Minh	161.818.182	-
	799.090.994	637.272.812

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/6/2018 và 1/1/2018 – đã phân loại lại			
	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND
Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	2.000.000	20.443.659.675	(*)	-
Công ty Cổ phần Hóa – Dược phẩm Mekophar	50.820	2.384.307.722	(*)	-
Công ty Cổ phần Dược Hà Tĩnh	75.000	971.029.662	(*)	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm TV.Pharm	17.600	300.659.375	(*)	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương Vidipha	18.000	472.871.724	(*)	-
Công ty Cổ phần Dược và Dịch vụ Thương mại Tuyên Quang	18.000	197.784.303	(*)	-
Công ty TNHH Sanofi-Aventis Việt Nam	10	1.000.000	(*)	-
		24.771.312.461	(*)	-

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản chứng khoán kinh doanh này có thể khác với giá gốc.

17. Chi phí trả trước dài hạn

	Lợi thế kinh doanh VND	Chi phí đất trả trước VND	Chi phí sửa chữa tài sản cố định VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	6.017.912.208	31.959.079.779	4.580.238.663	42.557.230.650
Phân bổ trong kỳ	(3.008.956.104)	(511.692.451)	(763.373.113)	(4.284.021.668)
Số dư cuối kỳ	3.008.956.104	31.447.387.328	3.816.865.550	38.273.208.982

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Phải trả người bán ngắn hạn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Công ty liên quan		
Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	1.285.538.622	5.386.632.509
Công ty Cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	443.625	6.528.375
Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC	4.174.380	9.534.000
Bên thứ ba		
Hyphens Pharma Pte. Ltd	206.444.914.488	174.973.374.144
Công ty TNHH MTV Dược phẩm Bali	59.786.685.892	71.965.600
Sung Kwang Pharm Co., Ltd	81.767.535.289	13.827.004.125
Growena Impex Company	54.065.617.880	52.125.305.029
Công ty TNHH B.Braun Việt Nam	41.699.016.334	36.844.969.590
Ever Neuro Pharma GMBH	34.097.575.289	39.563.716.183
Saga Laboratories	32.322.821.235	24.504.021.241
Ahn Gook Pharmaceutical Co., Ltd	27.642.313.875	42.394.693.388
Polpharma S.A. Pharmaceutical Works	14.370.817.890	23.046.673.660
Laboratorio Reig Jofre, S.A.	12.175.722.741	-
Octapharma Pharmazeutika Produktionsges.M.B.H	8.973.364.229	-
Livzon Pharmaceutical Group Inc	8.870.104.000	-
Lupin Limited	8.243.875.241	4.810.552.532
Các nhà cung cấp khác	182.544.830.954	160.990.149.601
	774.295.351.964	578.555.119.977

Khoản phải trả thương mại đối với công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả trong vòng 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

19. Thuế và các khoản khác phải thu và phải nộp Nhà nước

(a) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	1/1/2018	Số đã được bù	Chuyển từ số	30/6/2018
	VND	trừ trong kỳ	phải nộp trong kỳ	
		VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	21.250.907	-	648.091	21.898.998
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.577.549	(7.577.549)	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	1.808.122	1.808.122
	28.828.456	(7.577.549)	2.456.213	23.707.120

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước

	1/1/2018 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp/ khấu trừ trong kỳ VND	Chuyển sang số phải thu trong kỳ VND	30/6/2018 VND
Thuế					
Thuế giá trị gia tăng	73.928.744	111.975.933.791	(111.928.106.788)	648.091	122.403.838
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	4.210.803.206	(3.791.690.443)	-	419.112.763
Thuế thu nhập cá nhân	821.516.568	548.718.589	(1.099.305.175)	-	270.929.982
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	1.962.118.026	(1.963.926.148)	1.808.122	-
Các khoản phải nộp khác					
Phí, lệ phí	27.592.130	12.000.000	(12.000.000)	-	27.592.130
	923.037.442	118.709.573.612	(118.795.028.554)	2.456.213	840.038.713

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
		Đã phân loại lại
Kinh phí công đoàn	68.671.680	101.046.610
Phải trả hàng ủy thác	7.041.182.215	11.597.505.390
Phải trả hàng vay mượn	5.025.438.833	8.599.876.661
Cổ tức phải trả	1.525.372.000	20.995.484.800
Vốn hợp tác kinh doanh phải trả Tổng Công ty Dược Việt Nam – Công ty Cổ phần – công ty mẹ (*)	-	20.000.000.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	5.897.543.787	15.622.297.458
	<hr/>	<hr/>
	19.558.208.515	76.916.210.919
	<hr/>	<hr/>

(*) Trong năm 2017, Công ty đã ký với Tổng Công ty Dược Việt Nam hợp đồng hợp tác kinh doanh có thời hạn trong vòng 6 tháng kể từ ngày nhận đủ số vốn góp từ Tổng Công ty Dược Việt Nam. Theo hợp đồng này, Tổng Công ty Dược Việt Nam được hưởng khoản thu nhập cố định là 5,2%/năm trên số tiền đã đóng góp. Vào ngày 28 tháng 6 năm 2018, Công ty đã hoàn trả phần gốc và lãi phát sinh cho Tổng Công ty Dược Việt Nam.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Vay ngắn hạn

	1/1/2018 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá hối chưa thực hiện VND	30/6/2018 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	889.083.970.171	1.322.727.920.287	(1.294.310.219.109)	240.925.841	917.742.597.190

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội (i)	VND	5,5% - 5,8%	66.887.780.713	167.846.677.512
Ngân hàng TMCP Quân đội (ii)	VND	5,3% - 5,7%	263.095.862.509	247.680.105.682
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (iii)	VND	4,9% - 5,8%	32.777.424.615	50.852.022.218
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm (iv)	VND	5,3% - 5,8%	140.933.608.282	73.773.356.242
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình (i)	VND	5,5% - 5,8%	148.037.555.089	150.123.445.500
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Chợ Lớn (iv)	VND	4,9% - 5,1%	88.794.503.971	75.911.834.808
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Chợ Lớn (iv)	USD	1,8%	31.261.899.019	31.758.667.004
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu – Chi nhánh Thủ Đức (iv)	VND	5,7% - 6,0%	31.284.416.992	40.818.115.205
Vay cá nhân (iv)	VND	6,6%	114.669.546.000	50.319.746.000
			917.742.597.190	889.083.970.171

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (i) Các khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản gắn liền với đất tại Số 356A, Đường Giải Phóng, Quận Thanh Xuân, Hà Nội có giá trị còn lại là 1.511 triệu VND (1/1/2018: 3.022 triệu VND) (Thuyết minh 13).
- (ii) Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 247.127 triệu VND (1/1/2018: 297.216 triệu VND) (Thuyết minh 12).
- (iii) Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản gắn liền với đất tại Lô 20, Đường số 7, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, có giá trị còn lại là 1.299 triệu VND (1/1/2018: 2.858 triệu VND) (Thuyết minh 13).
- (iv) Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	4.950.819.559	618.491.716
Trích lập trong kỳ	913.048.890	1.162.045.890
Sử dụng trong kỳ	(5.953.689.144)	(1.919.410.434)
Tăng khác	1.062.353.584	513.350.720
Số dư cuối kỳ	972.532.889	374.477.892

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN**
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**23. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	209.790.000.000	-	22.835.229.451	232.625.229.451
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	16.888.901.917	16.888.901.917
Phân bổ vào các quỹ	-	2.444.991.780	(2.444.991.780)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(1.162.045.890)	(1.162.045.890)
Cổ tức (Thuyết minh 25)	-	-	(16.783.200.000)	(16.783.200.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	209.790.000.000	2.444.991.780	19.333.893.698	231.568.885.478
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	209.790.000.000	2.444.991.780	10.026.969.587	222.261.961.367
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	17.864.790.827	17.864.790.827
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(913.048.890)	(913.048.890)
Cổ tức (Thuyết minh 25)	-	-	(4.195.800.000)	(4.195.800.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2018	209.790.000.000	2.444.991.780	22.782.911.524	235.017.903.304

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2018		1/1/2018	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	20.979.000	209.790.000.000	20.979.000	209.790.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
và số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	20.979.000	209.790.000.000	20.979.000	209.790.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

25. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 21 tháng 4 năm 2017, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã thông qua kế hoạch phân phối cổ tức cho năm 2017 với tỷ lệ bằng 10% mệnh giá trên mỗi cổ phiếu phổ thông. Trong cuộc họp ngày 31 tháng 12 năm 2017, Hội đồng Quản trị Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức trị giá 20.979 triệu VND cho năm 2017, tương đương 10% vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Tại cuộc họp ngày 23 tháng 4 năm 2018, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức bằng tiền trị giá 25.175 triệu VND cho năm 2017, tương đương 12% vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017. Do đó trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty đã ghi nhận khoản cổ tức còn lại trị giá 4.196 triệu VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017: 16.783 triệu VND).

26. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

27. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba

	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Hàng hóa nhập khẩu ủy thác giữ hộ bên thứ ba	37.962.607.739	63.119.170.684

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Ngoại tệ các loại

	30/6/2018		1/1/2018	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	55.154	1.267.982.747	313.410	7.125.382.287
EUR	7.003	189.385.915	6.782	184.873.842
		1.457.368.662		7.310.256.129

28. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	1.207.909.437.099	1.024.614.324.437
▪ Cung cấp dịch vụ	8.241.844.746	9.714.974.163
	1.216.151.281.845	1.034.329.298.600
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	(12.588.572)	(2.562.112.771)
Doanh thu thuần	1.216.138.693.273	1.031.767.185.829

29. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
Lãi tiền gửi	73.933.923	75.918.346
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.021.578.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.831.502.939	3.947.502.706
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	325.286.382	-
Lãi bán hàng trả chậm	910.974.822	1.184.527.452
Doanh thu hoạt động tài chính khác	4.719.333	72.728.000
	7.167.995.399	5.280.676.504

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

30. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
Chi phí lãi vay	24.808.406.176	14.528.737.977
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.440.505.234	4.744.532.935
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	6.556.263.258
Chiết khấu thanh toán	-	700.651.193
Chi phí tài chính khác	-	41.789.322
	30.248.911.410	26.571.974.685

31. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018 VND	30/6/2017 VND Đã phân loại lại
Chi phí nhân viên	31.579.315.000	32.833.691.857
Chi phí vật liệu, bao bì	1.136.293.663	940.755.103
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.211.875.628	5.617.131.687
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.190.249.076	21.660.479.464
Chi phí bán hàng khác	13.190.894.689	6.681.364.470
	73.308.628.056	67.733.422.581

32. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018 VND	30/6/2017 VND Đã phân loại lại
Chi phí nhân viên	970.470.000	970.698.800
Thuế, phí và lệ phí	116.801.777	18.700.000
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng nợ phải thu khó đòi	202.971.556	(3.401.682.559)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.476.110.609	4.596.302.195
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	9.514.795.298	8.713.021.024
	16.281.149.240	10.897.039.460

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

33. Thu nhập khác

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
		Đã phân loại lại
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	1.920.564.472	1.038.979.358
Tiền bồi thường hợp đồng	2.270.000.000	-
Các khoản khác	-	223.223.532
	4.190.564.472	1.262.202.890

34. Chi phí kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Chi phí mua hàng hóa để bán	1.270.154.726.467	1.079.538.687.871
Chi phí nhân viên	32.549.785.000	33.804.390.657
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.723.568.079	6.128.824.139
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.666.359.685	26.256.781.659
Chi phí khác	26.629.043.700	12.952.158.038
	4.190.564.472	1.262.202.890

35. Thuế thu nhập

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	22.075.594.033	21.111.127.396
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	4.415.118.807	4.222.225.479
Thu nhập không bị tính thuế	(204.315.601)	-
	4.210.803.206	4.222.225.479

(b) Thuế suất áp dụng

Theo quy định của Luật thuế thu nhập hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

36. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(a) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ	17.864.790.827	16.888.901.917
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(3.225.587.233)	(3.166.669.109)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	14.639.203.594	13.722.232.808

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Ban Tổng Giám đốc của Công ty đã ước tính số lợi nhuận cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Ước tính này được dựa trên kế hoạch về lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và kế hoạch phân phối lợi nhuận vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm 2018 đã được Đại hội đồng cổ đông của Công ty phê duyệt trong cuộc họp ngày 23 tháng 4 năm 2018.

(b) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong kỳ	20.979.000	20.979.000

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

37. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính giữa niên độ, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch cho kỳ sáu tháng	
	kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Dược Việt Nam – Công ty Cổ phần		
Cổ tức công bố và đã trả	16.465.860.000	10.977.240.000
Tiền lãi đã trả	498.600.000	-
Các công ty liên quan khác		
Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội		
Bán hàng hóa và dịch vụ	1.949.249.501	4.164.853.621
Mua hàng hóa và dịch vụ	2.005.670.376	6.071.011.741
Cổ tức công bố và đã trả	2.400.000.000	2.400.000.000
Cổ tức công bố và đã nhận	1.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 1 – Pharbaco		
Bán hàng hóa và dịch vụ	832.500.000	732.756.000
Mua hàng hóa và dịch vụ	2.174.018.000	223.488.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 2		
Bán hàng hóa và dịch vụ	-	167.628.000
Mua hàng hóa và dịch vụ	-	952.319.046
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha		
Bán hàng hóa và dịch vụ	6.447.246.793	5.510.630.651
Mua hàng hóa và dịch vụ		234.286
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 25		
Bán hàng hóa và dịch vụ	-	1.751.360.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Vidipha		
Mua hàng hóa và dịch vụ	1.861.809.740	4.184.181
Cổ tức công bố và đã nhận	21.578.000	-
Thành viên Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát		
Tiền lương và thưởng	1.356.087.936	1.310.278.333

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

38. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
Mua sắm tài sản cố định chưa thanh toán	-	2.711.626.139

39. Số liệu so sánh

(a) Phân loại lại

Khi lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phân loại lại phải thu ngắn hạn khác và phải trả ngắn hạn khác, đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp và thu nhập khác và chi phí khác. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm/kỳ trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

Bảng cân đối kế toán

	1/1/2018 Theo báo cáo trước đây VND	Phân loại lại VND	1/1/2018 Đã phân loại lại VND
Phải thu ngắn hạn khác	76.817.183.505	(38.806.508.268)	38.010.675.237
Phải trả ngắn hạn khác	115.722.719.187	(38.806.508.268)	76.916.210.919
Đầu tư tài chính ngắn hạn	24.771.312.461	(24.771.312.461)	-
Đầu tư tài chính dài hạn	-	24.771.312.461	24.771.312.461

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017		
	Theo báo cáo trước đây VND	Phân loại lại VND	Đã phân loại lại VND
Chi phí bán hàng	74.002.621.692	(6.269.199.111)	67.733.422.581
Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.627.840.349	6.269.199.111	10.897.039.460
Thu nhập khác	2.924.323.532	(1.662.120.642)	1.262.202.890
Chi phí khác	1.782.339.208	(1.662.120.642)	120.218.566

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Số liệu so sánh

Trừ các trường hợp được thuyết minh khác, số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán và các thuyết minh liên quan tại ngày 1 tháng 1 năm 2018 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017; số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh liên quan được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Ngày 20 tháng 8 năm 2018

Người lập:



Ninh Thị Thu Hiền
Phó Phòng tài chính kế toán

Người duyệt:



Đặng Thị Dư
Kế toán trưởng

Nguyễn Doãn Liêm
Tổng Giám đốc